

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025,
định hướng đến năm 2030

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong những năm qua, nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên đã có bước phát triển khá, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân giai đoạn 2011-2018 đạt 6,96%/năm. Sản xuất có nhiều đổi mới, chuyển mạnh từ sản xuất truyền thống năng suất thấp, lạc hậu sang sản xuất thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; bước đầu hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, các mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông hộ; tạo được một số sản phẩm chủ lực có chất lượng, thương hiệu, giá trị kinh tế cao; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được cải thiện; góp phần nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, đóng góp quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương. Đổi mới tổ chức sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng còn chậm; sản xuất phổ biến vẫn là nhỏ lẻ, phân tán; số vùng sản xuất sản phẩm hàng hóa tập trung quy mô lớn còn ít; tích tụ, tập trung đất đai, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, sản xuất nông nghiệp an toàn chưa đáp ứng được yêu cầu; công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản chưa phát triển; giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm chưa cao.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên là do một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa tập trung đúng mức trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp; cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp còn thiếu đồng bộ, thiếu tính đột phá; đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế, dàn trải; hiệu quả công tác quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực chưa cao; ý thức chấp hành quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi của người dân còn hạn chế.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh của địa phương, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thích ứng với cơ chế thị trường, biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Phát triển đồng bộ nông nghiệp với công nghiệp, thương mại, dịch vụ để nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm; gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất an toàn, hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có giá trị kinh tế và sức cạnh tranh cao, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn, người làm nông nghiệp, giảm tỷ lệ hộ nghèo, góp phần đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

2.2. Mục tiêu cụ thể

* *Chỉ tiêu chủ yếu:*

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2019-2025 tăng bình quân 3,5%/năm, giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân 3%/năm.

- Cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đến năm 2025: Nông nghiệp 93% (*cơ cấu nội ngành nông nghiệp: trồng trọt 45%, chăn nuôi 46%, dịch vụ 9%*), lâm nghiệp 4%, thủy sản 3%. Đến năm 2030, cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản: Nông nghiệp 92,5% (*cơ cấu nội ngành nông nghiệp: trồng trọt 45%, chăn nuôi 45%, dịch vụ 10%*), lâm nghiệp 4,5%, thủy sản 3%.

- Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt đến năm 2025 đạt 125 triệu đồng/ha, đến năm 2030 đạt 150 triệu đồng/ha.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2025 đạt 65 triệu đồng/người/năm, đến năm 2030 đạt 90 triệu đồng/người/năm.

* *Chỉ tiêu cụ thể đối với một số cây trồng, vật nuôi thế mạnh của tỉnh và phát triển sản phẩm OCOP:*

- Trồng trọt:

+ Cây chè: Phát triển tập trung chủ yếu tại huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Định Hóa, huyện Võ Nhai, huyện Đông Hỷ, thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và thị xã Phổ Yên. Đến năm 2025 diện tích chè

đạt 23.000 ha, 80% diện tích chè sản xuất tập trung được áp dụng theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ. Đến năm 2030 diện tích chè đạt 24.000 ha, 100% diện tích chè sản xuất tập trung được áp dụng theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ. 100% sản phẩm chè do các doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc liên kết doanh nghiệp, hợp tác xã với nông hộ sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, có thương hiệu riêng.

+ Cây lúa: Diện tích trồng lúa chất lượng cao, đặc sản, hữu cơ đến năm 2025 đạt 50% tổng diện tích, đến năm 2030 đạt 70% tổng diện tích.

+ Cây rau, hoa: Phát triển một số vùng sản xuất rau, hoa tập trung chủ yếu tại thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên, huyện Phú Bình, huyện Đại Từ. Diện tích sản xuất tập trung, chuyên canh rau, hoa đến năm 2025 đạt 500 ha, đến năm 2030 đạt 800 ha; trong đó, cây rau được áp dụng quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ.

+ Cây ăn quả: Phát triển các vùng sản xuất tập trung an toàn, chất lượng với một số cây có giá trị kinh tế cao (*nhãn, na, cây có múi,...*) tập trung chủ yếu tại huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai và thị xã Phổ Yên. Đến năm 2025 đạt 2.000 ha, đến năm 2030 đạt 2.500 ha; 100% vùng sản xuất tập trung xây dựng được thương hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc; xây dựng một số mô hình trồng thử nghiệm các loại giống cây ăn quả mới có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương để nhân rộng.

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi trang trại tập trung tại địa bàn xa đô thị và khu dân cư gắn với các giải pháp bảo vệ môi trường, tập trung chủ yếu tại huyện Phú Bình, huyện Đại Từ, huyện Định Hóa, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ. Đến năm 2025, quy mô chăn nuôi trang trại tập trung chiếm 50% tổng đàn; chăn nuôi lợn, gà an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm chiếm 70% tổng đàn; 100% sản phẩm động vật tại các chợ được giết mổ và kiểm soát tại cơ sở giết mổ theo quy định. Đến năm 2030, quy mô chăn nuôi trang trại tập trung chiếm 70% tổng đàn; chăn nuôi lợn, gà an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm chiếm 90% tổng đàn.

- Thủy sản: Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, an toàn thực phẩm với một số giống có giá trị kinh tế cao như: Cá rô phi đơn tính, Diêu hồng, Chép lai, Chim trắng, Trắm đen,... tập trung chủ yếu tại huyện Đại Từ, huyện Phú Bình, huyện Phú Lương và thị xã Phổ Yên. Diện tích nuôi trồng thủy sản thâm canh đến năm 2025 đạt 2.000 ha, đến năm 2030 đạt 2.500 ha. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ thủy lợi gắn với bảo vệ môi trường.

- Lâm nghiệp: Phát triển rừng gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững, tập trung chủ yếu tại huyện Đại Từ, huyện Định Hóa, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai. Diện tích rừng gỗ lớn và diện tích rừng được cấp

chứng chỉ rừng bền vững đến năm 2025 đạt 10% tổng diện tích rừng trồng sản xuất, đến năm 2030 đạt 30% tổng diện tích rừng trồng sản xuất.

- Cây dược liệu: Phát triển cây quế tại huyện Định Hóa và một số cây dược liệu theo các mô hình trồng chuyên canh, trồng dưới tán rừng, tập trung chủ yếu tại huyện Định Hóa, huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai, thành phố Sông Công. Diện tích cây dược liệu đến năm 2025 đạt 6.000 ha, đến năm 2030 đạt 10.000 ha.

- Sản phẩm OCOP: Năm 2025 có ít nhất 120 sản phẩm OCOP được chứng nhận (*trong đó có ít nhất 6 sản phẩm OCOP đạt hạng 5 sao*). Đến năm 2030 có ít nhất 250 sản phẩm OCOP được chứng nhận (*trong đó có ít nhất 10 sản phẩm OCOP đạt hạng 5 sao*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

Cấp uỷ, chính quyền các cấp trong tỉnh tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thực trạng, những hạn chế, yếu kém trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa hiện nay; tiềm năng, những cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập và phát triển. Tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động, thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, sản xuất theo tiêu chuẩn, dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp, quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản. Lựa chọn, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả để vận động đoàn viên, hội viên tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện.

2. Rà soát, xác lập các vùng sản xuất tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh

Rà soát hiện trạng đất đai, lợi thế của từng địa phương để xác lập và xây dựng bản đồ các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực;

rà soát lại số liệu quy hoạch 3 loại rừng, xác định diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ theo quy định, chuyển một phần diện tích rừng sản xuất sang trồng một số loài cây có giá trị kinh tế (*cây ăn quả, chè...*) để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đồng thời bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng, tạo điều kiện thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; điều tra, đánh giá các điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng,... phù hợp đối với từng loài cây được lựa chọn để sản xuất ra các sản phẩm bảo đảm chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

Tiếp tục chuyển đổi diện tích đất trồng lúa hiệu quả thấp (*đất không chủ động tưới tiêu, đất xen kẽ*) sang trồng các loài cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn (*rau, hoa, chè, cây ăn quả, cây cảnh*) và kết hợp nuôi trồng thủy sản. Làm tốt công tác quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ phục vụ sản xuất, quy hoạch các cơ sở chế biến, bảo quản; triển khai thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ đất đai tạo điều kiện thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đẩy mạnh thành lập mới các hợp tác xã, liên hiệp các hợp tác xã; tiếp tục thực hiện chuyển đổi hợp tác xã; khẩn trương giải thể các hợp tác xã không còn hoạt động, không chuyển đổi mô hình theo Luật Hợp tác xã 2012; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng phát triển hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt định hướng sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng và quản lý thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục phát triển kinh tế trang trại, nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi, tạo sự liên kết, hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác xã theo chuỗi giá trị nhằm khai thác tiềm năng đất đai, lao động, vốn, kinh nghiệm sản xuất... của người dân; chú trọng phát triển ngành nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Xây dựng liên kết giữa các xã, huyện có điều kiện tương đồng trong sản xuất về giống, công nghệ, đào tạo nhân lực, phát triển hiệp hội ngành hàng,... để hình thành các sản phẩm có cùng lợi thế so sánh, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, đồng nhất về chất lượng, tăng tính cạnh tranh, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Nâng cao hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, đặc biệt là lao động trong các hợp tác xã, doanh nghiệp gắn với việc chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; hỗ trợ người sản xuất kết nối, tiếp cận với các dịch vụ khoa học công nghệ trong bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp

Tập trung ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi có ưu thế vượt trội, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất giống. Nghiên cứu, ứng dụng rộng rãi khoa học công nghệ, quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững, sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ, bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lựa chọn các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng ưu tiên các nhiệm vụ gắn với chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất; phát huy hiệu quả sự tham gia của các Viện nghiên cứu, Trường Đại học trong phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên.

5. Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản; xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm

Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, ưu tiên chế biến sâu, đa dạng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, bảo hộ thương hiệu dưới hình thức nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, thương hiệu doanh nghiệp, hợp tác xã. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về sở hữu trí tuệ, xâm hại thương hiệu.

Đẩy mạnh hỗ trợ nghiên cứu, tìm kiếm thị trường; thông tin về giá cả, thị trường nông sản để định hướng cho kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân; xây dựng các trung tâm trung bày, giới thiệu; định kỳ tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại như: Festival trà, hội chợ triển lãm về nông nghiệp, các lễ hội để quảng bá, giới thiệu, kết nối, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh và các địa phương; tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế; liên kết các chủ thể để hình thành các kênh kết nối cung cầu, phát triển hệ thống tiêu thụ sản phẩm.

6. Rà soát, thực hiện hiệu quả cơ chế chính sách; huy động các nguồn lực đầu tư cho sản xuất nông nghiệp

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh kịp thời các cơ chế, chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; lồng ghép các nguồn lực, thực hiện hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm bố trí kinh phí để thực hiện tốt các cơ chế chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh như: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp an toàn, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, dồn điền đổi thửa...

Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; ưu tiên phát triển hệ thống đường giao thông, công trình thủy lợi, điện,... trong vùng sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực của tỉnh; đồng thời rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách mới để tiếp tục thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định lộ trình, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện; rà soát, đánh giá các chương trình, đề án, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã triển khai trong giai đoạn 2016-2020; xây dựng kế hoạch, lộ trình, xác định cụ thể các đề án, dự án và cơ chế chính sách phù hợp để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

2. Các huyện ủy, thành ủy, thị ủy tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo đảng ủy các xã, phường, thị trấn tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương (*hoàn thành trước ngày 15/12/2019*).

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nội dung của Nghị quyết; kịp thời phản ánh những địa phương, đơn vị làm tốt, các mô hình tiêu biểu để nhân rộng.

4. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ hằng năm đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

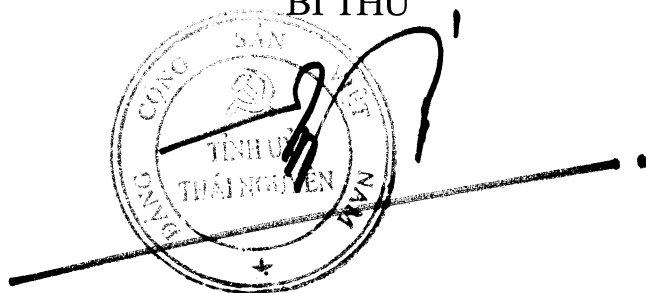
Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

huân

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự đảng Bộ NN và PTNT,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (85).

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Trần Quốc Tô